TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LAI CHÂU** **TỈNH LAI CHÂU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 05/2020/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Lai Châu, ngày 17 tháng 01 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 09/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Ng, sinh năm 1985

Địa chỉ: Số nhà 41, tổ 19, phường T, thành phố LC, tỉnh LC.

Bị đơn: Anh Lô Ngọc Th, sinh năm 1984

Địa chỉ: Số nhà 41, tổ 19, phường T, thành phố LC, tỉnh LC.

Chỗ ở hiện nay: Tập thể Công an tỉnh LC

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 54, 55, 57, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toá án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 01 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 01 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Bùi Thị Ng và anh Lô Ngọc Th.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Bùi Thị Ng và anh Lô Ngọc Th đều thuận tình ly hôn.

- **Việc nuôi con:** Chị Bùi Thị Ng và anh Lô Ngọc Th có 01 con chung tên là Lô Yến Nh, sinh ngày 01/9/2012. Sau khi ly hôn chị Ng và anh Th thỏa thuận như sau:

Chị Bùi Thị Ng là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên Lô Yến Nh, sinh ngày 01/9/2012 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Lô Ngọc Th có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, cụ thể:

Mức cấp dưỡng: Anh Lô Ngọc Th có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000 đồng/01 tháng cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Phương thức cấp dưỡng: Mỗi tháng 01 lần vào ngày 15 hàng tháng.

Thời điểm cấp dưỡng: Kể từ ngày 15/02/2020 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Anh Lô Ngọc Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật, không ai được cản trở anh Th thực hiện quyền này.

Kể từ khi Quyết định có hiệu lực pháp luật, chị Ng có đơn yêu cầu thi hành án, anh Th chưa thi hành được (không đóng tiền cấp dưỡng nuôi con như trên hoặc không đóng đầy đủ) thì bên phải thi hành án còn phải chịu thêm phần lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

- Chia tài sản: Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung chị Bùi Thị Ng và anh Lô Ngọc Th không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Bùi Thị Ng và anh Lô Ngọc Th mỗi người phải chịu 75.000 *(Bảy mươi năm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm. Anh Th phải chịu 150.000 *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Ng tự nguyện nộp thay anh Th tiền án phí dân sự sư thẩm 75.000 đồng *(Bảy mươi năm nghìn đồng)*, tiền án phí cấp dưỡng nuôi con 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)*. Anh Th nhất trí để chị Ng nộp thay anh Th số tiền án phí mà anh Th phải nộp. Tổng cộng chị Bùi Thị Ng phải nộp là 300.000 đồng án phí nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng. Xác nhận chị Ng đã nộp đủ số tiền án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số AA/2010/0004081 ngày 17/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu;
- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND TP Lai Châu;
- Chi cục THA dân sự TP Lai Châu;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Nga